

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **320/2018/QĐST-HNGĐ**

Long Biên, ngày 14 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA
CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: **358/2018/TLST-HNGĐ** ngày 06/6/2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L – Sinh năm: 1981
- *Bị đơn*: Anh Hoàng Duy M – Sinh năm: 1976

Cùng HKTT: B 3, phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Cùng địa chỉ hiện nay: Số 09 ngõ 119 N, Tổ 34 phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **06/8/2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **06/8/2018** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (Bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Trần Thị L và anh Hoàng Duy M.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị L và anh M xác định anh chị có 02 (Hai) con chung là cháu Hoàng Yến N1 – Sinh ngày: 08/7/2005 và cháu Hoàng Yến C1 – Sinh ngày: 19/5/2010. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu C1 cho chị L, giao cháu N1 cho anh M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung của chị L, anh M đến khi có quyết định khác thay thế.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. *Về tài sản chung, nhà ở và công nợ*: Hai anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị L và anh M mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của anh M. Tổng cộng chị L phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0533 ngày 06/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội. Chị L được trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục thi hành án quận Long Biên;
- Ủy ban nhân dân phường N, quận Long Biên, TP. Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 17);
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Vũ Thị Thu Hằng